

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.001/2026/PKQ (NS.260908.001)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Bể chứa nước sạch - NMN Hòa Bình - Xuân Mai

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	6,97	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0040	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,80	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring

[Handwritten signature]

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THÔNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.002/2026/PKQ (NS.260908.002)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Cọc T1.58

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hầm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	<i>E.coli</i>	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,04	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	0,25	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0041	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,80	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.
3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THÔNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.003/2026/PKQ (NS.260908.003)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Cọc T1.86

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,06	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0044	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,79	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.004/2026/PKQ (NS.260908.004)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Cọc T1.98

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	<i>E.coli</i>	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	< 7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,11	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0044	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,82	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

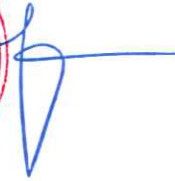
Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director



HỒNG QUANG THỐNG

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.005/2026/PKQ (NS.260908.005)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Cọc T1.120

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,14	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0044	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,79	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260654.006/2026/PKQ (NS.260908.006)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Đầu vào bể chứa trung gian

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	<i>E.coli</i>	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,22	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0040	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,87	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring

NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.007/2026/PKQ (NS.260908.007)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phụng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Đầu ra bể chứa trung gian

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hầm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0044	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,66	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

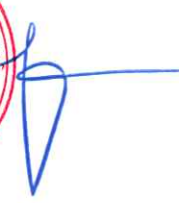
Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260654.008/2026/PKQ (NS.260908.008)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

T2.104

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hầm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,08	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0049	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,61	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	1,01	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.009/2026/PKQ (NS.260908.009)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

T2.128

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	8	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,29	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	0,24	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0044	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,54	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,82	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số: 260654.010/2026/PKQ (NS.260908.010)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

T3.91

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,28	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0046	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,52	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260654.011/2026/PKQ (NS.260908.011)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

T3.132

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



VILAS 1618

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,30	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0044	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,55	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0,95	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC

Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC

Director



HỒNG QUANG THỐNG



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số: 260654.012/2026/PKQ (NS.260908.012)

Tên khách hàng
Customer name

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH HÒA BÌNH - XUÂN MAI

Địa chỉ
Customer address

Xóm Dụ Phượng, Phường Kỳ Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Loại mẫu
Sample type

Nước sạch

Tên vị trí
Sampling location

Trạm quan trắc km38 QL 6 - xã Lương Sơn

Mô tả mẫu
Sample description

Bảo quản lạnh; Hãm hoá chất

Ngày lấy mẫu
Date of sampling

08/09/2026

Thời gian thử nghiệm
Testing Period

08/09/2026 - 21/09/2026



TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Giới hạn tham khảo ^a Reference limit
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
2	E.coli	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	mg/L Pt-Co (TCU)	<7	15
4	Mùi	CBEST.01 G01.010:2025	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5	pH	TCVN 6492:2011	-	7,32	6 - 8,5
6	Độ đục	TCVN 12402-1: 2020	NTU	<0,2	2
7	Asen (As)	TCVN 13092:2020	mg/L	0,0045	0,01
8	Clo dư tự do	HACH METHOD 8167:2022	mg/L	0,58	0,2 - 1
9	Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,8	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1: 1996	mg/L	<0,05	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test report is valid only for the sample specified above.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm khoa học Công nghệ Y sinh và Môi trường/Partial reproduction of this report is not allowed without the written permission of CBEST.

3. Tên vị trí và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/Sampling location and customer name are recorded as requested by the customer.

Ghi chú/Remarks:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Limit of Detection – Giới hạn phát hiện
- (a) QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH VÀ QUAN TRẮC
Dept. of Analysis and Monitoring



NGUYỄN PHAN HỒNG ANH

GIÁM ĐỐC
Director



HỒNG QUANG THỐNG